

Biến tần vector với nhiều chức năng cao cấp

- Dải điện áp 220V và 380V, công suất tới 7,5 kW
- Mô men khởi động lớn, cho phép 200% ở tần số 1Hz
- Có chức năng điều khiển PID
- Hỗ trợ nhiều ngõ vào/ra
- Có sẵn chiết áp chỉnh tần số chuẩn
- Chức năng truyền thông RS-485 (chuẩn MODBUS)
- Bảo vệ ngắn mạch ngõ ra
- Chức năng lọc nhiễu và lọc sóng hài nguồn đầu vào
- Tương thích với các tiêu chuẩn CE, UL/cUL
- Tương thích với tiêu chuẩn RoHS



Thông tin đặt hàng

Loại điện áp	Mức độ bảo vệ	Công suất động cơ tối đa	Model
Loại 3 pha điện áp 200 V	Loại lắp trên tường (tương đương IP20)	0,2 KW	3G3MX-A2002
		0,4 KW	3G3MX-A2004
		0,75 KW	3G3MX-A2007
		1,5 KW	3G3MX-A2015
		2,2 KW	3G3MX-A2022
		3,7 KW	3G3MX-A2037
		5,5 kW	3G3MX-A2055
		7,5 kW	3G3MX-A2075
Loại 3 pha điện áp 400 V		0,2 KW	3G3MX-A4002
		0,4 KW	3G3MX-A4004
		0,75 KW	3G3MX-A4007
		1,5 KW	3G3MX-A4015
		2,2 KW	3G3MX-A4022
		3,7 KW	3G3MX-A4037
		5,5 kW	3G3MX-A4055
		7,5 kW	3G3MX-A4075

Giải thích số Model

3G3MX-x x x x x
1 2 3

1. Cấp độ bảo vệ
A: Loại lắp trên tường
2. Loại điện áp
E: Điện áp 1/3 pha 200V AC
2: Điện 3 pha 200V AC (Loại 200-V)
4: Điện 3 pha 400V AC (Loại 400-V)
3. Công suất động cơ tối đa

002: 0,2 kW
004: 0,4 kW
007: 0,75 kW
015: 1,5 kW
022: 2,2 kW
037: 3,7 kW
055: 5,5 kW
075: 7,5 kW

Chú ý: Liên hệ văn phòng OMRON hoặc đại lý để biết thêm thông tin về các model 3G3MX-AE_

Đặc tính kỹ thuật

▪ Các model điện 200 VAC

Model 3G3MX-		A2002	A2004	A2007	A2015	A2022	A2037	A2055	A2075
Điện nguồn	Điện áp danh định và tần số	3 pha 200 đến 240V tại 50/60Hz							
	Dao động điện áp cho phép	-15% đến 10%							
	Dao động tần số cho phép	± 5%							
Trọng lượng (kg)		0,7	0,85	0,9	1,8	1,8	1,8	3,5	3,5
Phương thức làm mát		Tự toả nhiệt			Có quạt làm mát				
Công suất động cơ tối đa (kW)		0,2	0,4	0,75	1,5	2,2	3,7	5,5	7,5
Đặc tính của đầu ra	Công suất đầu ra danh định (kVA)	0,6	1,0	1,7	2,8	3,8	6,1	8,3	11,1
	Dòng danh định đầu ra (A)	1,6	3,0	5,0	8,0	11,0	17,5	24,0	32,0
	Điện áp danh định đầu ra (V)	3 pha 200 đến 240V AC							
	Tần số tối đa đầu ra	400 Hz đặt thông số							
Đặc điểm điều khiển	Bộ lọc tích hợp	Phương pháp lọc mịn sóng điều hòa (Zero-phase reactor)							
	Phương thức điều khiển	Điều chế sóng sin bằng độ rộng xung (PWM)							
	Tần số mạng	2 – 14kHz							
	Dải kiểm soát tần số	0,5 đến 400 Hz							
	Độ chính xác của tần số	Các lệnh digital : ±0,01% Các lệnh analog: ±0,2% (25 ± 10°C)							
	Độ phân dải của phép đặt tần số	Các lệnh digital: 0,1Hz (nhỏ hơn 100Hz) và 1Hz (100Hz hoặc lớn hơn) Các lệnh analog: 0,06 Hz/ 60Hz (tương đương 1/1000)							
	Độ phân giải của tần số đầu ra	0,01 Hz (độ phân giải dự tính)							
	Công suất quá tải (quá dòng)	150% của dòng đầu ra danh định trong 1 phút							
	Tín hiệu đặt tần số bên ngoài	Chỉnh FREQ để chọn: 0 đến 10V DC (2kΩ) hoặc 4 đến 20mA (250 Ω) và 0 đến 20 mA (250Ω)							
	Thời gian gia tốc / giảm tốc	0,01 đến 3000s (các phép đặt thời gian gia tốc và thời gian giảm tốc độc lập)							
	Mômen hãm	Xấp xỉ 50%						Từ 20% - 40%	
Đặc tính điện áp/ tần số	Đặt mẫu điện áp/ tần số								
Các chức năng bảo vệ	Bảo vệ động cơ	Bảo vệ dòng tải động cơ.							
	Bảo vệ quá dòng tức thời	Dừng ở xấp xỉ 250% của dòng đầu ra danh định							
	Bảo vệ quá tải	Dừng trong 1 phút tại mức xấp xỉ 150% điện áp đầu ra danh định							
	Bảo vệ vượt quá điện áp	Dừng khi điện áp DC của mạch chính xấp xỉ 410V							
	Bảo vệ khi không đủ điện áp	Dừng khi điện áp DC của mạch chính xấp xỉ 200V							
	Bù ngắt điện tạm thời (chọn)	Dừng 15ms hoặc lâu hơn. nếu đặt biến tần ở chế độ ngắt điện tạm thời thì biến tần sẽ tiếp tục hoạt động trong vòng 0,5s nếu điện được cấp lại.							
	Quá nhiệt cánh toả nhiệt	Phát hiện tại 110 ± 10°C							
	Bảo vệ tiếp đất	Bảo vệ ở mức bảo vệ quá dòng							
	Đèn báo nạp	Đèn này sẽ sáng khi điện áp DC của mạch chính đạt xấp xỉ 50V							
Môi trường	Vị trí	Trong nhà (không có khí ăn mòn, bụi dầu, hoặc bụi kim loại)							
	Nhiệt độ bên ngoài	Hoạt động: -10 đến 50°C							
	Độ ẩm bên ngoài	Hoạt động: tối đa 95% (không bị bám hơi nước)							
	Nhiệt độ bên ngoài	-20 đến 60°C							
	Độ cao so với mặt nước biển	Tối đa 1000 m							
	Điện trở cách ly	Tối thiểu 5MΩ (Không được thực hiện các phép thử điện trở cách ly hoặc điện áp chịu)							
Chịu rung	Tối đa 9,8 m/s ² giữa 10 đến 20 Hz Tối đa 2,0 m/s ² giữa 20 và 50 Hz								
Cấp độ chịu bụi (Tiêu chuẩn IP)		Các loại thanh gá : Theo chuẩn IP20							

▪ Các model 400 VAC

Model 3G3MX-		A4004	A4007	A4015	A4022	A4037	A4055	A4075	
Điện nguồn	Điện áp danh định và tần số	3 pha 380 đến 480V tại 50/60Hz							
	Dao động điện áp cho phép	-15% đến 10%							
	Dao động tần số cho phép	± 5%							
Trọng lượng (kg)		1,3	1,7	1,8	1,8	1,8	3,5	3,5	
Phương thức làm mát		Tự toả nhiệt			Có quạt làm mát				
Công suất động cơ tối đa (kW)		0,4	0,75	1,5	2,2	3,7	5,5	7,5	
Đặc tính của đầu ra	Công suất đầu ra danh định (kVA)	1,0	1,7	2,6	3,8	6,0	9,0	11,1	
	Dòng danh định đầu ra (A)	1,5	2,5	3,8	5,5	8,6	13,0	16,0	
	Điện áp danh định đầu ra (V)	3 pha 380 đến 480V AC							
	Tần số tối đa đầu ra	400 Hz đặt thông số							
Đặc điểm điều khiển	Bộ lọc tích hợp	Phương pháp lọc mịn sóng điều hòa (Zero-phase reactor)							
	Phương thức điều khiển	Điều chế sóng sin bằng độ rộng xung (PWM)							
	Tần số mang	2 – 14kHz							
	Dải kiểm soát tần số	0,5 đến 400 Hz							
	Độ chính xác của tần số	Các lệnh digital : ±0,01% Các lệnh analog: ±0,2% (25 ± 10°C)							
	Độ phân dải của phép đặt tần số	Các lệnh digital: 0,1Hz (nhỏ hơn 100Hz) và 1Hz (100Hz hoặc lớn hơn) Các lệnh analog: 0,06 Hz/ 60Hz (tương đương 1/1000)							
	Độ phân giải của tần số đầu ra	0,01 Hz (độ phân giải dự tính)							
	Công suất quá tải (quá dòng)	150% của dòng đầu ra danh định trong 1 phút							
	Tín hiệu đặt tần số bên ngoài	Chỉnh FREQ để chọn: 0 đến 10V DC (2kΩ) hoặc 4 đến 20mA (250 Ω) và 0 đến 20 mA (250Ω)							
	Thời gian gia tốc / giảm tốc	0,01 đến 3000s (các phép đặt thời gian gia tốc và thời gian giảm tốc độc lập)							
	Mômen hãm	Xấp xỉ 50%					Từ 20% - 40%		
	Đặc tính điện áp/ tần số	Đặt mẫu điện áp/ tần số							
Các chức năng bảo vệ	Bảo vệ động cơ	Bảo vệ dòng tải động cơ.							
	Bảo vệ quá dòng tức thời	Dừng ở xấp xỉ 250% của dòng đầu ra danh định							
	Bảo vệ quá tải	Dừng trong 1 phút tại mức xấp xỉ 150% điện áp đầu ra danh định							
	Bảo vệ vượt quá điện áp	Dừng khi điện áp DC của mạch chính xấp xỉ 410V							
	Bảo vệ khi không đủ điện áp	Dừng khi điện áp DC của mạch chính xấp xỉ 200V							
	Bù ngắt điện tạm thời (chọn)	Dừng 15ms hoặc lâu hơn. nếu đặt biến tần ở chế độ ngắt điện tạm thời thì biến tần sẽ tiếp tục hoạt động trong vòng 0,5s nếu điện được cấp lại.							
	Quá nhiệt cánh toả nhiệt	Phát hiện tại 110 ± 10°C							
	Bảo vệ tiếp đất	Bảo vệ ở mức bảo vệ quá dòng							
	Đèn báo nạp	Đèn này sẽ sáng khi điện áp DC của mạch chính đạt xấp xỉ 50V							
	Môi trường	Vị trí	Trong nhà (không có khí ăn mòn, bụi dầu, hoặc bụi kim loại)						
Nhiệt độ bên ngoài		Hoạt động: -10 đến 50°C							
Độ ẩm bên ngoài		Hoạt động: tối đa 95% (không bị bám hơi nước)							
Nhiệt độ bên ngoài		-20 đến 60°C							
Độ cao so với mặt nước biển		Tối đa 1000 m							
Điện trở cách ly		Tối thiểu 5MΩ (Không được thực hiện các phép thử điện trở cách ly hoặc điện áp chịu)							
Chịu rung		Tối đa 9,8 m/s ² giữa 10 đến 20 Hz Tối đa 2,0 m/s ² giữa 20 và 50 Hz							
Cấp độ chịu bụi (Tiêu chuẩn IP)		Các loại thanh gá : Theo chuẩn IP20							